

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Về mặt lí luận

Bối cảnh thế giới và trong nước

Bảo vệ Tổ quốc luôn luôn là nhiệm vụ quan trọng của mỗi quốc gia, thực tế cho thấy các thế lực thù địch luôn dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc CNXH ở mỗi nước. Thực tế, vào những năm giữa thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch không dễ gì dùng bạo lực vũ trang để tiêu diệt CNXH ở mỗi nước hay trên phạm vi toàn thế giới. Vì vậy, chúng phải thay đổi bằng chiến lược, cùng với thủ đoạn dùng sức mạnh quân sự để răn đe, đã chú trọng sử dụng biện pháp “hoà bình” nhằm chống phá và lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN).

Chiến lược “diễn biến hoà bình” là chiến lược cơ bản của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, sử dụng tổng hợp các biện pháp phi vũ trang nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới lật đổ các nước XHCN.

Nội dung chính của chiến lược “diễn biến hoà bình” là kẻ thù sử dụng mọi thủ đoạn kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội, đối ngoại, an ninh ..., kết hợp răn đe quân sự để phá hoại, làm suy yếu từ bên trong các nước XHCN. Kích động các mâu thuẫn trong xã hội, tạo ra các lực lượng chính trị đối lập núp dưới chiêu bài tự do, dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, sắc tộc, khuyến khích tư nhân hoá về kinh tế và đa nguyên về chính trị. Truyền bá mô hình về chính trị, kinh tế, tư tưởng và lối sống của chủ nghĩa tư bản, làm mơ hồ giai cấp và đấu tranh giai cấp trong nhân dân lao động. Đặc biệt, chúng coi trọng kích lệ lối sống tư sản và từng bước làm phai nhạt mục tiêu, lí tưởng XHCN ở một bộ phận học sinh, sinh viên (HS,SV); triệt để khai thác và lợi dụng những khó khăn, thiếu sót của Đảng, Nhà nước XHCN trên các lĩnh vực đời sống xã hội, tạo nên sức ép; từng bước chuyển hoá và thay đổi đường lối chính trị, chế độ xã hội.

Mục đích sử dụng chiến lược “diễn biến hoà bình” của kẻ thù nhằm làm suy yếu từ bên trong và tiến tới lật đổ chế độ XHCN. Chiến lược “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch là một trong những nguyên nhân dẫn

đến sự sụp đổ của các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô vào đầu thập niên cuối thế kỷ XX.

Âm mưu, thủ đoạn chống phá của địch đối với cách mạng Việt Nam: Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mĩ và các thế lực phản động quốc tế đang tích cực, điên cuồng thực hiện các biện pháp chống phá cách mạng thế giới một cách quyết liệt nhằm xoá bỏ hoàn toàn các nước XHCN còn lại, trong đó Việt Nam là một trọng điểm.

Phương thức tiến hành chủ yếu mà Mĩ và các thế lực phản động sẽ sử dụng chống phá cách mạng Việt Nam là thực hiện chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ và có thể trực tiếp tiến hành chiến tranh xâm lược. Chúng chủ trương lật đổ chế độ XHCN ở Việt Nam trước hết và chủ yếu bằng “diễn biến hoà bình”. Nhưng để nhanh chóng đạt được mục đích đề ra và tạo áp lực lớn đối với nước ta, chúng sẽ kết hợp các thủ đoạn “diễn biến hoà bình” với bạo loạn lật đổ. “Diễn biến hoà bình” để tạo thêm những yếu tố gây mất ổn định chính trị, làm rối loạn trật tự xã hội nhất là những vùng trọng điểm, các thành phố lớn, gây tâm lí hoang mang dao động trong nhân dân. Đồng thời chuẩn bị lực lượng, điều kiện và thời cơ để tiến hành bạo loạn lật đổ chính quyền, chế độ XHCN, khi chúng cho là thuận lợi.

Mục tiêu chiến lược “diễn biến hoà bình” của địch là thúc đẩy tự do hoá về chính trị và kinh tế từ đó chuyển hoá Việt Nam theo quỹ đạo tư bản chủ nghĩa. Lôi kéo Việt Nam từng bước phụ thuộc vào Mĩ, gây ảnh hưởng của chúng ở Việt Nam và các nước có liên quan, tạo bàn đạp phát triển đến các nước khác.

Biện pháp chiến lược “diễn biến hoà bình” của chúng là: thực hiện chống phá toàn diện trên các lĩnh vực chính trị tư tưởng, tổ chức nhân sự, văn hoá thông tin, kinh tế-xã hội, tôn giáo và dân tộc, ngoại giao, quân sự.

Thực hiện bạo loạn lật đổ nhằm lật đổ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, lật đổ chế độ XHCN, lật đổ chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương. Bạo loạn lật đổ mang tính chất quyết liệt, phức tạp, quy mô có thể từ nhỏ đến lớn, từ một vài nơi, một vài khu vực đến nhiều nơi, nhiều khu vực; có thể xảy ra đồng thời ở khắp các địa phương trên phạm vi cả nước. Các lực lượng phản động bên trong và bên ngoài sẽ lợi dụng các cơ quan hợp pháp như đại sứ quán, các cơ quan

đại diện nước ngoài, trụ sở các tổ chức tôn giáo ... các địa điểm bí mật được chuẩn bị trước để chỉ đạo hoạt động bên trong và liên lạc với bên ngoài. Khi bạo loạn lật đổ xảy ra nhanh chóng tuyên bố thành lập chính quyền, công bố cương lĩnh đường lối hành động và kêu gọi nước ngoài, các tổ chức quốc tế ủng hộ, công nhận. Chủ nghĩa đế quốc có thể sử dụng lực lượng phản ứng nhanh can thiệp, hỗ trợ lực lượng bạo loạn lật đổ và nhanh chóng hợp pháp hoá hành động của lực lượng phản động.

Đối với sinh viên các trường đại học

Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục (có hiệu lực từ ngày 01/7/2010) xác định: Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lí tưởng độc lập dân tộc và CNXH; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQP-AN) là bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khóa trong chương trình giáo dục đào tạo, từ trung học phổ thông (THPT) đến đại học (ĐH) và các trường chính trị, hành chính, đoàn thể.

Nhằm góp phần đào tạo con người phát triển toàn diện, hiểu biết một số nội dung cơ bản về quốc phòng (QP), an ninh (AN); truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân với bảo vệ Tổ quốc; nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH; có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối QP, AN và công tác quản lí nhà nước về QP, AN; có kĩ năng QP, QS, AN cần thiết để tham gia sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Trải qua hơn 50 năm, kể từ khi có Nghị định số 219/CP (28/12/1961) của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc huấn luyện quân sự phổ thông (đã được đưa vào giảng dạy) cho HS,SV từ THPT đến ĐH. Từ năm 1991, sau khi có Quyết định số 2732/QĐ ngày 28/10/1991 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, môn học được đổi thành GDQP và ngày nay là môn GDQP-AN (Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT

ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Chương trình GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ).

1.2. Về mặt thực tiễn

Đến năm học 2011-2012, trên toàn quốc có 414 trường ĐH, CĐ (188 trường ĐH: 138 công lập, 50 ngoài công lập; 412 trường CĐ: 196 công lập, 30 ngoài công lập) với 2.162.106 SV (ĐH: 1.435.887 SV, CĐ: 726.219 SV). Về mạng lưới GDQP-AN đến nay trên toàn quốc có 35 TT GDQP-AN (16 trung tâm được thành lập theo Quyết định số 07/2003/QĐ-TTg ngày 09/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch Hệ thống TT GDQP SV giai đoạn 2001-2010; 16 trung tâm được thành lập theo Quyết định số 638/QĐ-TTg ngày 21/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án thành lập TT GDQP-AN tại các nhà trường quân đội giai đoạn 2009-2015 và những năm tiếp theo và 3 TT GDQP-AN Bộ GDĐT tạo thành lập), 13 khoa và 26 bộ môn (hoặc tổ) GDQP-AN với gần 573 cán bộ quản lý và giảng viên. Tại Sở GDĐT của 26 tỉnh, thành phố trọng điểm được biên chế sĩ quan biệt phái; các trường THPT và TCCN được biên chế giáo viên giảng dạy môn GDQP-AN .

Hơn 50 năm qua GDQP-AN đã thu được những kết quả đáng khích lệ, môn học đã trang bị cho lớp trẻ những kiến thức về QP, AN, nền nếp, tác phong, kỷ luật quân đội, lớp lớp HS,SV trong thời chiến đã lên đường làm nhiệm vụ đánh giặc giải phóng dân tộc, góp phần thống nhất đất nước; trong thời bình đã góp phần không nhỏ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, GDQP -AN cho SV các trường ĐH còn bộc lộ một số hạn chế như sau:

- Mạng lưới về GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng;
- Đội ngũ giảng viên còn nhiều bất cập: Thiếu về số lượng và số giảng viên chưa đạt chuẩn vẫn còn;
- Đầu tư CSVC, phương tiện dạy học cho GDQP -AN chưa ngang tầm nhiệm vụ; việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy ít được quan tâm;
- Xây dựng chính sách và thực hiện chính sách đối với giảng viên và cán bộ quản lý còn chậm.

Công tác GDQP-AN cho HS,SV được Đảng, Nhà nước, nhân dân đặc biệt quan tâm như đã ban hành nhiều chỉ thị, nghị định về GDQP-AN và Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch Hệ thống TTGDQP-AN cho SV; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về phát triển GDĐT có đoạn: “Giải pháp then chốt là đổi mới và nâng cao năng lực quản lí nhà nước trong giáo dục và đào tạo”; Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI xác định: “Sớm đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, nhất là bậc đại học”.

Trước những đòi hỏi lớn lao của yêu cầu đổi mới giáo dục ĐH, với thực trạng công tác GDQP-AN hiện nay và từ cơ sở pháp lí được trình bày ở trên, chúng tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu: **“Quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới”**.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn về quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH, đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

4. Giả thuyết khoa học

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH đã thu được nhiều kết quả. Tuy nhiên công tác này còn bộc lộ một số bất cập:

- Nhận thức chưa được sâu sắc ở mọi cấp.
- Mục tiêu, nội dung, phương pháp chưa gắn kết theo xu thế hiện đại.
- Người dạy, người được huấn luyện chưa có động lực mạnh mẽ.
- Cơ sở vật chất, phương tiện dạy học còn thiếu.

Giáo dục quốc phòng - an ninh cho sinh viên hiện nay có vị trí vai trò quan trọng Nếu đề xuất được các giải pháp quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH bao quát tính tổng thể của quá trình huấn luyện dạy học thì sẽ tăng cường được kết quả GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án đặt ra những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- 5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH.
- 5.2. Đánh giá thực trạng quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay.
- 5.3. Đề xuất một số giải pháp tăng cường quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH Việt Nam trong bối cảnh mới.

6. Phạm vi nghiên cứu

- 6.1. Nghiên cứu quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH khu vực phía Bắc.
- 6.2. Đề tài nghiên cứu trong khoảng thời gian thực hiện đổi mới giáo dục.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận

a) Quan điểm tiếp cận hệ thống

Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV là quá trình bao gồm: mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp đào tạo SV ở trình độ ĐH; GDQP -AN cho SV các trường ĐH nhằm góp phần hoàn thiện nhân cách người SV trong bối cảnh mới.

b) Quan điểm duy vật lịch sử: Nhìn nhận vấn đề trong mối quan hệ với phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước.

Tổ chức thực hiện quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH phù hợp với tình hình giáo dục Việt Nam trong bối cảnh mới.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

+ Mục tiêu: Làm sáng tỏ lý luận GDQP-AN cho SV trong thời kỳ đổi mới.

+ Nội dung: Nội dung chương trình, cách thức giảng dạy, lực lượng giảng dạy, điều kiện giảng dạy.

+ Cách thức tổ chức: Vừa lấy ý kiến các nhà lý luận vừa đi thực địa, kết hợp 2 yếu tố hình thành tư liệu.

7.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Tổng kết kinh nghiệm quản lý GDQP-AN cho SV tại một số trường ĐH.

- Phương pháp chuyên gia: Tiếp cận với chuyên gia, xin ý kiến về đánh giá tình hình và các biện pháp nâng cao hiệu quả GDQP-AN.

- Điều tra khảo sát thực tế (phát phiếu hỏi):
- + Đối tượng: Cán bộ quản lí, giảng viên và sinh viên.
- + Số lượng: CBQL, GV là 300 phiếu và SV là 1.000 phiếu.
- Quan sát: Thăm và dự giờ một số buổi học tại cơ sở đào tạo
- Phỏng vấn (đối với một số GV và SV)

7.2.3. Phương pháp thực nghiệm

- Thực nghiệm tại 02 TT GDQP-AN (Hà Nội 1 và Hà Nội 2).

8. Các luận điểm bảo vệ

8.1. Giáo dục quốc phòng-an ninh cho SV các trường ĐH là một nội dung GD quan trọng, góp phần hình thành nhân cách toàn diện cho SV, tăng cường ý thức, trách nhiệm trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

8.2. Giáo dục quốc phòng-an ninh được thực hiện qua việc tổ chức huấn luyện. Việc huấn luyện phải được đặt trên cơ sở bảo đảm được tính tổng thể của quá trình đào tạo qua việc gắn kết các nhân tố: mục tiêu, nội dung, phương pháp, người dạy, người học, cơ sở vật chất;

8.3. Quản lí quá trình (huấn luyện) này phải chú ý cả bốn vấn đề: Lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá.

9. Cấu trúc của luận án gồm

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, Luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lí luận của quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam

Chương 2. Cơ sở thực tiễn của quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam

Chương 3. Giải pháp tăng cường quản lí giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên các trường đại học Việt Nam trong bối cảnh mới

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Chương này gồm các yếu mục:

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.3. Đặc điểm quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong tình hình mới

1.4. Các vấn đề cốt yếu quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH

Nghiên cứu sinh xin trình bày chi tiết những vấn đề sau:

1.1. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1.1. Trên thế giới

Ở nước Liên Xô (trước đây) và Liên Bang Nga (ngày nay), việc nghiên cứu, quản lý công tác giáo dục ý thức QP cho cán bộ, viên chức, HS,SV được Nhà nước Nga đặc biệt quan tâm. Trong các công trình “Các vấn đề giáo dục quân sự”, do E.G.Vapilin và Đại tá Q.Đ.Mulinva viết năm 2001: “*Những quan điểm phương pháp luận về xây dựng học thuyết giáo dục quân sự ở Nga*”...đã phân nào phản ảnh được yêu cầu bức thiết quản lý giáo dục quốc phòng cho thế hệ trẻ ở Nga trước sự vận động, phát triển mau lẹ của tình hình quốc tế và đất nước Nga hiện nay.

Ở Trung Quốc, GDQP do Bộ Quốc phòng đảm nhiệm. Theo kế hoạch năm của Chính phủ, từng trường ĐH đưa SV tới các đơn vị quân đội để học GDQP với thời gian 2 tháng. Khoảng thời gian này các đơn vị quân đội cho bộ đội học dã ngoại ngoài doanh trại. Doanh trại quân đội lúc này trở thành các TT GDQP.

1.1.2. Ở Việt Nam

Dựng nước phải đi đôi với giữ nước, đó là một trong những quy luật đã được dân tộc ta đúc kết hàng ngàn năm lịch sử. Dưới chế độ phong kiến, các triều đại trị vì đất nước tuy mạnh yếu khác nhau nhưng lúc nào cũng quan tâm đến kế sách giữ nước. Việc chiêu tập binh mã, việc rèn quân, luyện quân, việc khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc...là những kế sách có giá trị như những tài liệu khoa học về QP của dân tộc.

Từ năm 1961, thực hiện Nghị định 219/CP của Hội đồng Chính phủ, “Huấn luyện quân sự được đặt thành một môn học chính trong nhà trường phổ thông. Năm 1966, Bộ Đại học-Trung học chuyên nghiệp (nay là Bộ GDĐT) ban hành chương

trình huấn luyện quân sự thống nhất trong các trường ĐH, CĐ và THCN. Nội dung chương trình chủ yếu hướng vào huấn luyện kiến thức quân sự phổ thông và kỹ năng quân sự cơ bản.

Đến năm 1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ban hành Chỉ thị 420/CT về GDQP và đào tạo sĩ quan dự bị trong HS,SV; tiếp tục khẳng định: *”GDQP là yêu cầu không thể thiếu được trong chương trình ở các trường THPT, DN, TCCN, CĐ, ĐH, kể cả quốc lập dân lập và các loại hình đào tạo khác; là nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược đào tạo con người mới nhằm GD cho thế hệ trẻ nói chung và cho HS,SV lòng yêu nước, yêu CNXH, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tập thể, tư duy và kiến thức quân sự, chuẩn bị nhân lực và đào tạo nhân tài cho nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc”*. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, Bộ QP đã phối hợp với Bộ GDĐT biên soạn, ban hành *Chương trình GDQP* thay thế Chương trình Huấn luyện QS phổ thông. Như vậy, kể từ năm 1991 Chương trình Huấn luyện QS phổ thông cho HS,SV được đổi tên thành Chương trình GDQP.

Ngày 10/7/2007, Chính phủ ban hành Nghị định 116/2007/NĐ-CP về GDQP-AN, theo đó Chương trình GDQP cho HS,SV được sửa đổi bổ sung kiến thức AN và cập nhật kiến thức QP, QS. Chương trình GDQP-AN trình độ ĐH, CĐ được ban hành theo Quyết định 81/2004/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 (thay thế Chương trình GDQP theo Quyết định 12/2000/QĐ-BGD&ĐT). Từ đây, môn GDQP chính thức đổi thành GDQP-AN và hiện nay là Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12/9/2012.

Mục tiêu GDQP-AN đối với HS,SV là: *góp phần GD toàn diện cho HS,SV về lòng yêu nước, yêu CNXH, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kỹ năng QS cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền QP toàn dân, AN nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN*.

Trước tình hình mới của thời đại, vấn đề QP-AN quốc gia đang được đặt ra như một vấn đề thời sự nóng hổi của nhiều quốc gia trên thế giới. Quản lý, nâng cao chất lượng GDQP-AN cho cán bộ, công chức, viên chức, HS,SV là vấn đề luôn thu

hút sự quan tâm của lãnh đạo, các chuyên gia hoạch định chính sách, các nhà nghiên cứu và những người làm công tác quản lý, giáo dục ở nhiều nước trên thế giới.

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Quốc phòng

Quốc phòng là công việc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học... của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện; trong đó, sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ gìn hoà bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức và quy mô.

1.2.2. An ninh

An ninh quốc gia là sự ổn định, phát triển bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sự bất khả xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

1.2.3. Quốc phòng-an ninh

Quốc phòng-an ninh là sự kết hợp quốc phòng với an ninh tạo thành sức mạnh tổng hợp trong thời bình cũng như trong thời chiến nhằm bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

1.2.4. Giáo dục quốc phòng-an ninh

GDQP-AN là hoạt động có kế hoạch, có nội dung chương trình phương pháp và hình thức phù hợp với từng đối tượng, nhằm truyền thụ cho họ những tri thức, bồi dưỡng kinh nghiệm, kỹ năng quân sự và những vấn đề về QP-AN cần thiết để họ sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ QP-AN bảo vệ Tổ quốc theo chức trách.

1.2.5 Giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên

GDQP-AN cho SV là hoạt động có kế hoạch, có chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tác động của nhà giáo dục đến SV, nhằm truyền thụ tri thức, rèn luyện kỹ năng, phát triển bản lĩnh QS và AN cần thiết cho SV để họ sẵn sàng làm tốt nghĩa vụ QP, AN bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

1.2.6. Quản lý giáo dục quốc phòng-an ninh cho sinh viên

Quản lý GDQP-AN cho SV là hoạt động có mục đích, có tổ chức của nhà quản lý nhằm điều khiển, hướng dẫn các quá trình giáo dục, những hoạt động của cán bộ, giảng viên và SV, huy động các nguồn lực khác nhau để thực hiện có hiệu quả chương trình, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo kế hoạch đã xác định.

1.3. NỘI DUNG QUẢN LÝ GDQP-AN CHO SV CÁC TRƯỜNG ĐH

1.3.1. Quản lý mạng lưới cơ sở GDQP cho SV các trường ĐH

Mạng lưới cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH là các cơ sở tổ chức thực hiện GDQP-AN cho SV, các cơ sở này thuộc ĐH, trường ĐH, CĐ và một số nhà trường quân đội (trường sĩ quan, trường quân sự: quân khu; tỉnh).

Mạng lưới cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH gồm: trung tâm, khoa và bộ môn (tổ) GDQP-AN, mạng lưới GDQP-AN được phân bố trên toàn quốc, chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn nhiều trường ĐH, CĐ.

Quản lý mạng lưới cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ là quản lý nhà nước, được pháp luật quy định (Bộ GDĐT); CĐ nghề do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quản lý. Quản lý được thống nhất từ Trung ương đến các cơ sở đào tạo được cụ thể hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật, tạo sự thống nhất và thực thi các quy phạm pháp luật nghiêm minh, bình đẳng trong giáo dục đào tạo.

Kết luận chương 1

Tình hình thế giới và khu vực đang có những diễn biến hết sức phức tạp. CNDQ và các thế lực thù địch trong và ngoài nước sẽ đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng ta ra sức lợi dụng các vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền”, để gây mất ổn định chính trị-xã hội nhằm tạo cơ hội gây can thiệp từ bên ngoài. Chúng ta phải lường hết những khó khăn sẽ diễn ra, nhất là tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mọi diễn biến của tình hình nêu trên đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác GDQP-AN hiện nay cũng như những năm tới.

Chúng ta hiểu sâu sắc rằng, để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng nền QP toàn dân, AN nhân dân, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN thì một trong những việc

làm đầu tiên là phải nâng cao chất lượng, hiệu quả GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân, chúng tôi cho rằng, các cấp, các ngành cần tiếp tục nghiên cứu kỹ lưỡng và quán triệt thật sâu sắc Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDQP, AN trong tình hình mới; Nghị định 116/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về GDQP-AN; Nghị quyết TU 8 (khóa IX) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về an ninh-quốc gia. Trên cơ sở đó chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả đội ngũ GV giảng dạy GDQP-AN tại các cơ sở GDQP-AN hiện nay. Thực tế chỉ ra rằng, cùng với việc chuẩn hóa chương trình, giáo trình, tài liệu dạy học GDQP-AN là việc xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng GV GDQP-AN trình độ ĐH. Đây là vấn đề cấp bách hiện nay. Chừng nào chúng ta chưa có đội ngũ GV GDQP-AN được đào tạo cơ bản bổ sung cho đội ngũ sĩ quan biệt phái hiện nay, chừng đó chúng ta chưa thể hiện được triệt để mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện, có đạo đức, có sức khỏe và kiến thức QP, AN, kỹ năng quân sự cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương 2

CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Chương này gồm các yếu mục:

2.1. Tổ chức khảo sát thực trạng

2.2. Thực trạng quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH hiện nay

2.3. Nguyên nhân của thực trạng trên

Nghiên cứu sinh xin trình bày chi tiết những vấn đề sau:

2.1. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GDQP-AN CHO SV CÁC TRƯỜNG ĐH HIỆN NAY

2.1.1. Thực trạng về hệ thống GDQP-AN và tổ chức mạng lưới cơ sở GDQP-AN cho SV các trường ĐH

Hệ thống tổ chức GDQP-AN từ Trung ương đến cơ sở trong hệ thống giáo dục quốc dân gồm cơ quan tư vấn, chỉ đạo công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN và các cơ sở tổ chức thực hiện GDQP-AN.

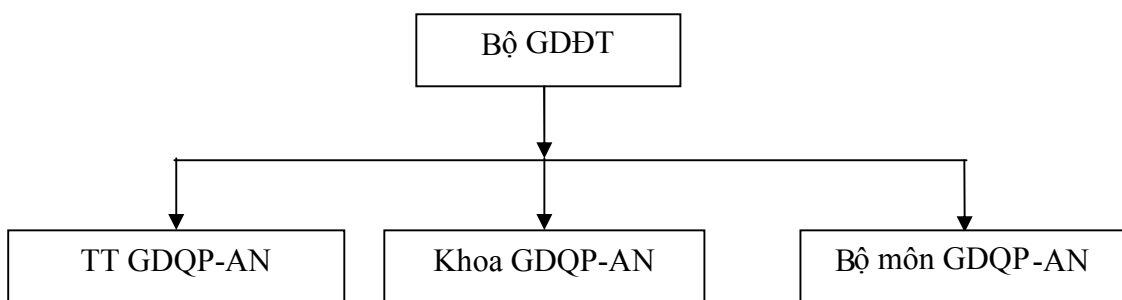
- Hội đồng GDQP-AN Trung ương;
- Hội đồng GDQP-AN quân khu;
- Hội đồng GDQP-AN cấp tỉnh;
- Hội đồng GDQP-AN cấp huyện;
- Hội đồng nghĩa vụ nghĩa vụ quân sự cấp xã.

Hội đồng GDQP-AN các cấp có cơ quan thường trực giúp việc, Hội đồng Trung ương đặt tại Bộ QP, Hội đồng cấp quân khu đặt tại Bộ Tư lệnh quân khu, Hội đồng cấp tỉnh/thành phố đặt tại Bộ CHQS cấp tỉnh/thành phố, Hội đồng cấp huyện/quận đặt tại Ban CHQS cấp huyện/quận và Hội đồng nghĩa vụ QS cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức GDQP-AN.

Hội đồng GDQP-AN các cấp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thủ tướng CP quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng GDQP-AN Trung ương và Hội đồng GDQP-AN cấp quân khu. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng GDQP-AN cấp tỉnh và cấp huyện, xã.

Bộ GDĐT có Vụ GDQP với chức năng nhiệm vụ là giúp Bộ trưởng Bộ GDĐT thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GDQP-AN cho HS,SV và các công tác thuộc lĩnh vực QP trong phạm vi quản lý của Bộ.

Sơ đồ 2.1. Hệ thống tổ chức GDQP-AN Ngành Giáo dục-Đào tạo



Đến nay, toàn quốc có 74 cơ sở GDQP-AN cho SV thuộc ĐH, trường ĐH, CĐ; 35 TT GDQP-AN cho SV với 282 CBQL, GV GDQP-AN, trong đó 8 trung tâm đang hoạt động với lưu lượng 22.150 HS,SV, số trung tâm còn lại đang xây dựng; 13 khoa GDQP-AN với 159 CBQL và GV GDQP-AN; 26 bộ môn GDQP-AN với 132 GV GDQP-AN.

Mạng lưới GDQP-AN cho SV các trường ĐH gồm trung tâm, khoa, bộ môn (tổ) GDQP-AN. TT GDQP-AN được quản lý theo 2 hình thức:

- Trung ương quản lý: Bộ GDĐT, Bộ QP, Bộ VH-TT&DL;
- Địa phương quản lý: Trường QS tỉnh/TP, UBND tỉnh/TP.

Ngoài ra còn 2 ĐH trực tiếp quản lý, đó là: *ĐH quốc gia Hà Nội* quản lý TT GDQP-AN ĐH quốc gia Hà Nội, và *ĐH quốc gia TP Hồ Chí Minh* quản lý TT GDQP-AN ĐH quốc gia TP Hồ Chí Minh.

Theo đánh giá của Hội đồng GDQP-AN Trung ương và các cơ quan Bộ QP, Bộ GDĐT, SV học GDQP-AN tại các TT GDQP-AN chất lượng và hiệu quả hơn SV học tại các khoa, bộ môn GDQP-AN.

Đến nay, trên toàn quốc có 13 khoa và 26 bộ môn GDQP-AN thuộc các trường ĐH, CĐ. Các khoa, bộ môn này đã GDQP-AN cho khoảng 30% SV các trường ĐH, CĐ.

2.1.2. Thực trạng kết quả GDQP-AN của SV các trường ĐH

Kết quả học tập và kiểm tra của Hội đồng GDQP-AN Trung ương, số SV đạt yêu cầu 100%, trong đó khá, giỏi chiếm tỷ lệ 85%. Qua khảo sát, điều tra 96% cán bộ quản lý, giảng viên và SV đánh giá chương trình hiện nay là phù hợp, 0,4% cho là cần chỉnh sửa chương trình cho phù hợp với điều kiện hiện nay.

SV có thái độ học tập, thực hiện 11 chế độ trong ngày và 3 chế độ trong tuần cũng như các hoạt động ngoại khóa tại các TT GDQP-AN được thực hiện nghiêm; ý thức học tập và chấp hành các chế độ, quy định được nâng lên rõ rệt.

Điểm mạnh

- Môn GDQP-AN có bề dày truyền thống hơn 50 năm, kể từ khi có Nghị định 219/CP ngày 28/12/1961 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc huấn luyện quân sự phổ thông cho HS,SV trong các trường từ bậc THPT đến CĐ, ĐH.

- Hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo từ Trung ương đến địa phương về công tác GDQP-AN tương đối đầy đủ và đồng bộ.

- Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt thành lập 32 TT GDQP-AN cho HS,SV trên toàn quốc (hệ thống TT GDQP-AN đã được thành lập).

- Đội ngũ GV GDQP-AN cơ bản là sĩ quan quân đội biệt phái sang Ngành GDĐT làm công tác QP và GDQP-AN cho SV các trường ĐH, CĐ, tâm huyết, yêu ngành, yêu nghề, đội ngũ này cơ bản được đào tạo trong các nhà trường QĐ .

- Lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Nhà nước, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát phối hợp của các bộ, ngành, đặc biệt là Bộ GDĐT và Bộ QP, Bộ CA trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện môn GDQP-AN.

- SV hoàn thành khóa học GDQP-AN được cấp chứng chỉ-điều kiện để xét tốt nghiệp ĐH.

Trang bị cho trí thức trẻ kiến thức cần thiết về GDQP-AN; góp phần hình thành nhân cách, hành trang trên con đường lập thân, lập nghiệp và giữ nước.

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới, bên cạnh thuận lợi cũng có những khó khăn, thách thức, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã triển khai một loạt công việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đồng thời nỗ lực phấn đấu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội theo Kết luận số 02-KL/TW ngày 16/3/2011 của Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách, biện pháp của Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. Đội ngũ CBQL, GV GDQP-AN luôn tin tưởng, tuyệt đối trung thành sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, yên tâm công tác, yêu ngành, yêu nghề, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Công tác GDQP-AN ngày càng được Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm; góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Điểm yếu

- Nhận thức của một số cán bộ và SV về GDQP-AN chưa tương xứng với mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ môn học (là môn học chính nhưng vẫn bị xem nhẹ).

- Đội ngũ GV GDQP-AN còn nhiều bất cập về số lượng và chất lượng.

- CSVC, TBDH môn GDQP-AN còn thiếu, đầu tư xây dựng và trang bị ban đầu còn chậm so với kế hoạch.

- Sự phối hợp trong quản lý đội ngũ CBQL, GV chưa đồng bộ.

- Kinh phí cho GDQP-AN còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ.

- Cơ chế không đồng bộ, thống nhất nên khó khăn trong tổ chức thực hiện.

Một số CB, HS, SV chưa quan tâm đúng với vị trí, vai trò của môn học GDQP-AN, nên đầu tư cho công tác này còn chậm do đó kết quả GDQP-AN chưa cao.

Trong những năm qua công tác GDQP-AN đã thu được những kết quả đáng khích lệ, SV khi ra trường về công tác tại các cơ quan đã tham mưu cho lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt công tác QP, AN; đã có hàng vạn SV tốt nghiệp ĐH đi đào tạo sĩ quan dự vị, trong đó có hàng ngàn SV được tuyển chọn vào phục vụ trong lực lượng vũ trang, có những SV công tác trong lực lượng vũ trang đến nay đang giữ những vị trí trọng trách và có nhiều đồng chí được nhận quân hàm cấp tướng.

2.3. NGUYÊN NHÂN CỦA THỰC TRẠNG TRÊN

2.3.1. Nguyên nhân của những thành tựu, ưu điểm

Kết quả đạt được về GDQP-AN cho SV các trường ĐH những năm qua có nhiều nguyên nhân, trong đó một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Sự lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả của Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành ở Trung ương và cấp ủy, chính quyền các cấp.

Hai là, nhận thức đúng vị trí, vai trò GDQP-AN cho SV các trường ĐH.

Ba là, cơ cấu, thiết chế, điều kiện bảo đảm cho GDQP-AN được hình thành, hoàn thiện từng bước.

Bốn là, sự ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của đất nước đã và đang tạo điều kiện thuận lợi cho GDQP-AN trong bối cảnh mới.

2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm

Những hạn chế, khuyết điểm của GDQP-AN cho SV trong những năm vừa qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, chỉ đạo tổ chức, thực hiện GDQP-AN cho SV còn lúng túng, bị động.

Thứ hai, điều kiện bảo đảm chưa đáp ứng yêu cầu mà các chủ trương, nhiệm vụ GDQP-AN trong bối cảnh mới.

Thứ ba, nhận thức của các đối tượng về GDQP-AN chưa sâu sắc.

Thứ tư, tác động của mặt trái cơ chế kinh tế thị trường.

Kết luận chương 2

Đổi mới, nâng cao chất lượng quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH là một yêu cầu cấp thiết trong tình hình hiện nay. Trong xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế, giữa các quốc gia đang diễn ra sự cạnh tranh rất quyết liệt không chỉ trên lĩnh vực kinh tế mà cả trên lĩnh vực QP, AN. Để nâng cao chất lượng GDQP-AN cho SV các trường ĐH ở Việt Nam cần phải tranh thủ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới. Đó là một trong những cơ sở thực tiễn quan trọng để nghiên cứu tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong tình hình mới.

Thực trạng GDQP-AN và quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong những năm qua đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần phải tiếp tục phải nghiên cứu. Đó là những vấn đề về tổ chức hệ thống các cơ sở GDQP-AN cho SV; các vấn đề về cơ chế quản lý, phối hợp các cơ quan bộ, ngành, các tổ chức chính trị xã hội trong quản lý; các vấn đề về quản lý mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, v.v... Đó là quản lý nhân lực, vật lực và tài lực trong quá trình GDQP-AN cho SV.

Từ huấn luyện quân sự phổ thông đến GDQP-AN cho SV các trường ĐH, thành tựu đạt được cũng như những tồn tại hơn 50 năm qua đã khẳng định môn GDQP-AN ngày càng được Đảng, Nhà nước và toàn dân đặc biệt quan tâm, môn học đã từng bước trưởng thành từ giảng dạy tập trung không ghi điểm đến tổ chức giảng dạy theo phân phối chương trình, kiểm tra đánh giá như các môn học khác; môn học đã góp phần hình thành nhân cách người SV, góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công CNXH và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam XHCN.

Ngày nay, GDQP-AN và quản lý GDQP-AN đối với SV các trường ĐH đang chịu sự tác động từ nhiều hướng. Trong đó có cả những tác động tích cực và những tác động tiêu cực. Đó là một vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi quá trình nghiên cứu cần phải chỉ ra những giải pháp tranh thủ thời cơ và khắc phục những thách thức trong quản lý GDQP-AN cho SV hiện nay.

Chương 3

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Chương này gồm các yếu mục:

3.1. Định hướng GDQP -AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới

3.2. Nguyên tắc đề xuất giải pháp

3.3. Đề xuất giải pháp tăng cường quản lý GDQP-AN cho SV các trường

ĐH

Gồm 6 giải pháp, Nghiên cứu sinh xin trình bày chi tiết 2 giải pháp sau:

3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng công tác GDQP-AN đối với cán bộ, đặc biệt cán bộ quản lý trong hệ thống giáo dục quốc dân

a) Mục đích

Tư tưởng, nhận thức là khâu quan trọng, quyết định đến việc thành, bại của mọi công việc; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành có vai trò quyết định tới việc thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta; nhằm nâng cao nhận thức đúng đắn của các cấp, các ngành về GDQP -AN tạo ra chuyển biến rõ rệt trong nhận thức và hành động thiết thực.

b) Nội dung

- Thực hiện tích cực, đúng đối tượng và có chất lượng GDQP -AN theo Nghị định 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về GDQP-AN cho cán bộ Lãnh đạo, quản lý các cấp để tạo chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ từ các cấp lãnh đạo đối với công tác GDQP-AN cho HS,SV. Để từ các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và hoạch định các cơ chế, chính sách về GDQP-AN được thiết thực, đầy đủ, kịp thời và đồng bộ;

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng về nhiệm vụ GDQP-AN, để mọi người quán triệt, hiểu đúng và thực hiện có hiệu quả công tác GDQP-AN;

- Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích triển khai, thực hiện công tác GDQP-AN, đồng thời kiên quyết uốn nắn, nhắc nhở những cá nhân, đơn vị làm chưa đúng, cần thiết phải có biện pháp hành chính cụ thể đối với những cá nhân, tập thể cố tình chấp hành không nghiêm túc công tác GDQP-AN;

- Biên soạn nội dung chương trình và tài liệu tập huấn: căn cứ công tác QP, AN và nhiệm vụ GDQP-AN mà tổ chức tập huấn cho phù hợp;

- Bộ GDĐT căn cứ tình hình thực tế mà tổ chức tập huấn cho CBQL, GV chủ chốt của các trung tâm, khoa, bộ môn GDQP-AN. Sau tập huấn cấp Bộ, trung tâm, khoa, tổ bộ môn tiến hành tập huấn đại trà cấp mình các nội dung đã được tập huấn và bổ sung nhiệm vụ của cơ sở đào tạo có liên quan tới nhiệm vụ;

- Tập huấn phải được chuẩn bị chu đáo, nội dung thiết thực, sau tập huấn phải được tiến hành kiểm tra, đánh giá, nhằm uốn nắn, bổ sung kịp thời;

- Xuất phát từ mối quan hệ hữu cơ giữa hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta để có nhận thức đúng đắn về củng cố QP-AN nói chung và GDQP-AN cho mọi đối tượng nói riêng, trong đó HS,SV là lực lượng đông đảo và trí thức.

- Đánh giá về thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN toàn dân trong những năm qua, Chỉ thị của Bộ Chính trị BCH TƯ Đảng khoá VIII đã nêu: Những năm qua cán bộ ban, ngành ở Trung ương, cấp uỷ, chính quyền các cấp, các học viện nhà trường đã triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết (về tăng cường công tác GDQP-AN, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc) “đã đạt được kết quả góp phần tăng cường và củng cố tiềm lực quốc phòng của đất nước. Tuy nhiên một số cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cấp các ngành nhận thức chưa thật đầy đủ và sâu sắc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng toàn dân”.

- Trong sự nghiệp đổi mới đất nước và đổi mới giáo dục, Ngành GDĐT đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước và của ngành về GDQP-AN cho HS,SV. Chất lượng GDQP-AN cho HS,SV từng bước được nâng cao và đi vào nền nếp. Cùng với nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV, Ngành cũng đã tuyển chọn hàng vạn SV tốt nghiệp ĐH đi đào tạo sĩ quan dự bị. Đã có hàng ngàn SV tốt nghiệp sĩ quan dự bị trực tiếp tham gia phục vụ quân đội. GDQP-AN ngày càng khẳng định vị trí quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu cơ bản của giáo dục “Xây dựng những con người và thế hệ tha thiết gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”.

Tuy nhiên, thực hiện GDQP-AN cho HS,SV trong các nhà trường hiện nay còn những hạn chế nhất định, chưa đáp ứng được nhu cầu đề ra. Thực trạng đó có nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu và trước hết là do nhận thức về nhiệm vụ QP, AN nói chung, môn GDQP-AN nói riêng của một số CB còn đơn giản, đôi lúc còn xem nhẹ, trách nhiệm của các cấp lãnh đạo chưa thực sự được đề cao, việc quán triệt cho CB, GV, HS,SV về vai trò, vị trí của môn GDQP-AN chưa tốt. Cần lưu ý những mặt trái của cơ chế thị trường có ảnh hưởng trực tiếp đến nhiệm vụ GDQP-AN cho HS,SV và phát triển đội ngũ GV. Hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thực hiện nhiệm vụ GDQP-AN cho đến nay đã khá đầy đủ. Tuy nhiên nguồn kinh phí, cơ chế bảo đảm và khả năng thực thi các chính sách về GDQP-AN còn thiếu thống nhất và chưa được quan tâm, làm cho đội ngũ CBQL và GV không thiết tha với nhiệm vụ. Chính vì vậy cùng với việc nâng cao ý thức trách nhiệm cho các cấp lãnh đạo, quản lý và GV phải ban hành đồng bộ các chính sách và cơ chế bảo đảm phù hợp.

Bộ Chính trị yêu cầu: “Chính phủ chỉ đạo Bộ QP, Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính phối hợp hướng dẫn và giải thích những vướng mắc về GDQP-AN toàn dân trong HS,SV nhất là biên chế GV và các quy định, chế độ học tập, bảo đảm CSVC cần thiết cho công tác giảng dạy và học tập”.

Thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị và nghị định của Chính phủ, Hội đồng GDQP-AN Trung ương đã được thành lập do một Phó Thủ tướng Chính phủ trực tiếp làm Chủ tịch. Tất cả cán bộ chủ trì, công chức viên chức từ Trung ương đến xã (phường) đều phải học GDQP-AN theo quy định. Hội đồng GDQP-AN Trung ương chỉ đạo trực tiếp các bộ, ngành, các hội đồng, quân khu, tỉnh (thành phố) thực hiện nhiệm vụ về GDQP-AN theo phân cấp và GDQP-AN toàn dân trên hệ thống thông tin đại chúng. Đây là những điều kiện thuận lợi cơ bản trong việc tăng cường nhận thức thực hiện các nhiệm vụ công tác QP, QS và GDQP-AN trong Ngành GDĐT.

Bộ GDĐT ban hành các văn bản chỉ đạo trong Ngành GDĐT thực hiện nghiêm các chỉ thị, nghị định của Đảng và Nhà nước về cử cán bộ đi học tập GDQP-AN. Ngoài việc học tập tập trung, chính quy cần duy trì các chế độ học tập tại chức qua báo cáo viên hoặc văn bản hướng dẫn phù hợp với đặc thù của Ngành, để nâng cao nhận thức nhiệm vụ GDQP-AN cho CBQL, GV, HS,SV.

c) Điều kiện thực hiện

- Quan tâm đúng mức đến đội ngũ cán bộ làm công tác GDQP-AN, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần để đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Xây dựng kế hoạch kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính về công tác GDQP -AN tại các bộ, ngành và địa phương.

3.2. Hoàn thiện cơ chế quản lí GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống giáo dục quốc dân

a) Mục đích

Hoàn thiện cơ chế quản lí là điều chỉnh, bổ sung, phát triển cơ chế hiện hành làm cho nó đầy đủ hơn, chính xác hơn, hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn GDQP-AN cho SV các trường ĐH. Mục đích của giải pháp là tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, quản lí của Nhà nước nhằm huy động tốt nhất các lực lượng cùng tham gia, tạo cơ chế phối hợp đồng bộ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm.

b) Nội dung thực hiện

- *Nâng cao chất lượng trong xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật về GDQP-AN đáp ứng yêu cầu của tình hình mới*
- *Nâng cấp các TT GDQP-AN hiện có và mở rộng mạng lưới cơ sở GDQP -AN trong các nhà trường quân đội.*
- *Phát huy cao độ vai trò trách nhiệm của các tổ chức chỉ huy, lãnh đạo ở các trung tâm, các khoa GDQP-AN ở các trường ĐH.*
- *Tăng cường phối hợp chặt chẽ các lực lượng, tạo ra sự đồng bộ trong quản lí GDQP-AN cho SV.*
- *Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra GDQP-AN trong hệ thống giáo dục quốc dân*

KHẢO NGHIỆM

Mục đích của khảo nghiệm

Mục đích của khảo nghiệm là đánh giá kết quả của việc tác động vào thực tiễn biện pháp đã nêu ra.

NCS chọn nội dung “Tăng cường quản lý CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT trong giảng dạy GDQP-AN cho SV”, vì đây là khâu còn yếu ở nhiều TT GDQP-AN.

Tổ chức khảo nghiệm

NCS đo kết quả hai vòng, xem kết quả học tập đạt mức nào:

- Với TT GDQP-AN khi chưa được tăng cường CSVC TBDH và ứng dụng CNTT.

- Kết quả đạt loại giỏi: 10 %
- Kết quả đạt loại khá: 70 %
- Kết quả đạt trung bình: 15 %
- Kết quả dưới trung bình: 5 %

- Với TT GDQP-AN khi được tăng cường CSVC TBDH và ứng dụng CNTT.

- Kết quả đạt loại giỏi: 15 %
- Kết quả đạt loại khá: 72 %
- Kết quả đạt trung bình: 12 %
- Kết quả dưới trung bình: 1 %

Phân tích kết quả khảo nghiệm

Theo dõi kết quả về vấn đề này tại TTGDQP-AN HN 1 và TTGDQP-AN HN 2.

Kết quả như sau:

Trung tâm	Kết quả	Kết quả học tập khi chưa tăng cường				Kết quả học tập khi đã tăng cường			
		G	K	TB	DTB	G	K	TB	DTB
	GDQP-AN Hà Nội 1	10	70	14	6	15	72	12	1
	GDQP-AN Hà Nội 2	9	71	15	5	13	73	13	1

Bàn luận

a) Rõ ràng với việc tăng cường CSVC, TBDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN, kết quả học tập, rèn luyện của SV tốt hơn, kết quả ở bảng trên cho thấy:

- Mức giỏi ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 tăng lên, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 tăng lên.
- Mức khá ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 tăng lên, ở TTGDQP-AN Hà Nội 2 tăng lên.
- Mức trung bình ở TTGDQP-AN Hà Nội 1 và TTGDQP-AN Hà Nội 2 giảm đi.
- Mức dưới trung bình ở TTGDQP-AN HN 1 và TTGDQP-AN Hà Nội 2 giảm đi.

b) Không phải cứ tăng cường CSVC, TBDH, ứng dụng CNTT là có ngay kết quả.

TBDH phát huy tác dụng khi công tác quản lý được đôn đốc giám sát một cách khẩn trương. Các TT GDQP-AN phải có người chuyên trách bảo quản, GV phải tăng

sử dụng, Ban GD trung tâm phải có kế hoạch đầu tư tái trang bị một cách hệ thống, phải kích thích người học kết hợp học và hành. Thiết bị phải phù hợp với nội dung giảng dạy, không hình thức.

Theo tính toán của NCS thì mỗi đầu người học hàng năm phải có dự toán kinh phí đầu tư cho TBDH khoảng 30% tiền học phí/mỗi SV, mới có thể cải thiện được chất lượng dạy học GDQP-AN, tạo nên kết quả đích thực.

Kết luận Chương 3

Tác giả xin đề xuất được 6 giải pháp, các giải pháp này đã được kiểm chứng về tính cấp thiết, tính khả thi, kết quả kiểm chứng cho thấy tuyệt đại đa số đều khẳng định các biện pháp nêu ra cấp thiết, khả thi, giữa 2 kết quả này cũng có sự tương đồng nhau.

Các giải pháp trước hết phải tác động vào nhận thức, làm đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành đối với công tác GDQP-AN trong hệ thống GD quốc dân. Giải pháp tác động vào các nhân tố quan trọng nhất của quá trình GD, đó là tác động vào nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục nhằm đổi mới nội dung chương trình và phương pháp dạy học GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong bối cảnh mới. Giải pháp tác động vào chủ thể quản lý nhằm phát triển đội ngũ CBQL, GV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng và hợp lý về cơ cấu. Cơ sở vật chất vừa là điều kiện đảm bảo cho hoạt động GD và là phương tiện đảm bảo cho các hoạt động quản lý GD. Để hiện đại hóa quá trình GD phải tăng cường quản lý cơ sở vật chất, TBDH và ứng dụng CNTT trong dạy học GDQP-AN. Một trong những nội dung quan trọng nhất của quản lý GDQP-AN là cơ chế quản lý. Hoàn thiện cơ chế quản lý GDQP-AN cho SV các trường ĐH trong hệ thống GD quốc dân là một giải pháp mang tính then chốt hiện nay.

Các giải pháp trên đây đã được khảo nghiệm để khẳng định độ tin cậy và tính khả thi. Tác giả đã tổ chức khảo nghiệm thực tế về tăng cường CSVC THDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN, sự tác động vào thực tế cho thấy khi tăng cường CSVC TBDH và ứng dụng CNTT cho TT GDQP-AN đều đưa đến chất lượng huấn luyện GDQP-AN khả quan.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

GDQP-AN cho SV là một nội dung, nhiệm vụ quan trọng của các trường ĐH. Trong bối cảnh lịch sử hiện nay, để nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình GDQP-AN ở các trường ĐH cần phải coi trọng công tác quản lý, tích cực đổi mới các biện pháp quản lý gắn với tăng cường các nguồn lực cho công tác quản lý. Xã hội càng phát triển, khoa học GDQP-AN càng mở rộng thì càng phải tăng cường công tác quản lý.

Quản lý GDQP-AN cho SV là một nội dung của quản lý GDĐT trong các trường ĐH. Các hoạt động quản lý GDQP-AN cho SV phải tuân thủ theo lý luận quản lý GD nhà trường ĐH, đồng thời phải tuân thủ lý luận quản lý GD quân sự.

Quản lý GDQP-AN cho SV là quản lý một nội dung GD đặc biệt. Công tác quản lý phải có sự phối hợp giữa Bộ GDĐT với Bộ QP, phối hợp giữa các cơ quan GDĐT với các cấp chính quyền từ địa phương đến Trung ương.

Quản lý GDQP-AN cho SV bao gồm nhiều nội dung cần phải quản lý. Vì vậy để quản lý có hiệu quả cần phải phân cấp quản lý và xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm cho từng cấp quản lý. Phải tạo ra cơ chế phát huy cao độ trách nhiệm chủ thể của các lực lượng quản lý.

Khuyến nghị

1. Chính phủ

2. Với các bộ, ngành

Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Với các đại học, trường đại học, cao đẳng

4. Với các Trung tâm giáo dục quốc phòng-an